

PHẨM CHẤT CHỦ YẾU CỦA HỌC SINH PHỔ THÔNG

PGS. TSKH. NGUYỄN KẾ HÀO*

Abstract: Essential qualities of school students in particular and of human beings in general, are reasoning, affection, and will. Basic solutions (or solutions system) to help establish these essential qualities in school students include (1) Reforming curriculum and textbooks; (2) Building capacity for teachers and educational managers; and (3) Providing necessary and sufficient facilities and equipments.

Keywords: Essential qualities; Reasoning; Affection; Will; Basic solution.

Trong xã hội, bất kì thời nào, khi nhận định, đánh giá một người cụ thể nào đó thường thông qua phẩm chất, năng lực hay đức và tài của họ. Ở các cơ quan, đoàn thể, trường học và tổ chức xã hội cũng vậy, mỗi thành viên đều được xem xét, đánh giá định kì về phẩm chất, năng lực, hay hạnh kiểm (đức) và năng lực (tài). Trong Dự thảo Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể có đưa ra yêu cầu về những phẩm chất chủ yếu và năng lực chung của học sinh (HS). Bài viết này đề cập vấn đề phẩm chất và đưa ra những quan điểm về phẩm chất chủ yếu của người Việt Nam nói chung và HS phổ thông nói riêng.

1. Về triết lí giáo dục (TLGD)

Có nhiều cách nghĩ, cách hiểu, diễn đạt khác nhau về TLGD, nhưng tựu chung đều phản ánh đường hướng giáo dục, phương cách giáo dục. Quan niệm trở thành triết lí “con hơn cha là nhà có phúc”, đã có trong nền văn hóa nước ta từ xa xưa, theo đó có những gia đình bán ruộng bán vườn, trâu bò để lấy tiền cho con em ăn học; hoặc “yêu cho roi cho vọt, ghét cho ngọt cho bùi” để giáo dục nghiêm khắc đối với con cái... Cho đến thời nay, ở các nhà trường còn nguyên các khẩu hiệu định hướng: “Dạy tốt - Học tốt”, “Tất cả vì HS thân yêu”, hay “Mỗi ngày đến trường là một ngày vui” cũng có thể hiểu như là TLGD.

Ngày nay, có thể hiểu TLGD là những quan niệm, quan điểm về giáo dục của một người hoặc nhiều người (nhóm người, cộng đồng người) được người ta ý thức trở thành phương châm hành động, thành lẽ sống của họ; đó có thể là quan niệm của dân thường hoặc của nhà khoa học, của Đảng, Nhà nước. Hay theo cách diễn đạt chung nhất là: Ai cũng được học, học để phát triển cá nhân, hoàn thiện nhân cách để sống tốt đẹp hơn trong xã hội đang vận động theo hướng dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công

bằng, văn minh; cũng có nghĩa là ai cũng học: “Học để phát triển, học để sống tốt đẹp hơn”.

TLGD suy cho cùng là triết lí sống. Từ xưa đến nay có rất nhiều quan niệm về triết lí sống. Trong đó, triết lí sống phổ biến của người phương Tây và người phương Đông có điểm khác biệt (người phương Tây thường sống thiên về lí trí, còn người phương Đông lại thiên về tình cảm). Những người sống thiên về lí trí là người sống thiên về trí tuệ, coi trọng lí lẽ, hướng theo luật lệ của cuộc sống. Những người sống thiên về tình cảm phụ thuộc vào xúc cảm, nhiều khi thiếu tỉnh táo.

Thế giới ngày nay là “thế giới phẳng”, thế giới hội nhập. Con người dù ở nơi nào trên trái đất, dù thuộc cộng đồng dân tộc nào, tôn giáo, hệ tư tưởng nào thì cũng cần những phẩm chất cơ bản người, cần sống có lí trí, có tình cảm và ý chí. Con người văn minh hiện đại hướng tới sự phát triển cá nhân và hướng tới sự hài hòa của ba phẩm chất chính làm nên trụ cột nhân cách.

2. Những phẩm chất chủ yếu của HS phổ thông

Trong Dự thảo chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, có nêu: “Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu của HS phổ thông Việt Nam”, đó là: - Sống yêu thương; - Sống tự chủ; - Sống trách nhiệm. Trong mỗi phẩm chất lại có một số biểu hiện cụ thể, như: phẩm chất *Sống yêu thương* có 6 biểu hiện; *Sống tự chủ* có 5 biểu hiện; *Sống trách nhiệm* có 4 biểu hiện. Những phẩm chất này đã nhận được rất nhiều ý kiến góp ý đa chiều; tuy nhiên, tùy thuộc vào quan điểm và cách nhìn nhận của mỗi người, có thể hiểu và có cách ứng xử khác nhau, nhưng cũng rất khó đi vào đời sống thực tiễn ở các trường phổ thông. Ví dụ, trong phẩm

* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

chất *Sống yêu thương*, dành cho cấp tiểu học có nêu: “*Yêu thích các sản phẩm, hoạt động văn hóa khác nhau trên thế giới*”, hoặc phẩm chất *Sống tự chủ* ở cấp tiểu học có yêu cầu: “*Yêu mến và làm theo những tấm gương đạo đức*”... Những biểu hiện cụ thể này có thể hiểu khác nhau và khó hướng dẫn, thực hiện giáo dục HS theo những biểu hiện đó, lại càng khó đánh giá phẩm chất của HS được hình thành trong quá trình học tập.

Theo ý kiến cá nhân, nên thay 3 phẩm chất đó bằng các phẩm chất: - *Sống lí trí*; - *Sống tình cảm*; - *Sống ý chí*. Để có được những phẩm chất này, con người cần học, học suốt đời để phát triển hoàn thiện mình; học để sống, có học sẽ biết và có thể sống tốt đẹp hơn. Điều này cần cho mọi người, mọi thời đại và cũng có thể hiểu như là TLGD.

Để sống có lí trí, con người cần có kiến thức (tri thức), cần có kĩ năng và những phẩm chất tâm lí khác. Những phẩm chất đó được hình thành ở mỗi người thông qua quá trình học tập ở trường học và “trường đời”.

Tình cảm con người được hình thành qua con đường giáo dục, trong quá trình học tập, lao động và các hoạt động khác. Con người chân chính cần có “tình cảm đẹp”, thể hiện qua lối sống nhân hậu, nhân ái, bao dung, vị tha, cảm thông chia sẻ; đồng thời cũng biết căm giận, đấu tranh không khoan nhượng với kẻ thù, tẩy chay thói hư tật xấu... Tình cảm con người trên hết thầy là tình yêu gia đình, yêu thương con người, yêu quê hương, đất nước.

Ý chí con người được giáo dục, rèn luyện trong nhà trường và cuộc sống thường ngày. Thực tế cho thấy, những người trong hoàn cảnh khó khăn, phải bươn chải thường có ý chí, nghị lực. Trong nhà trường, năm học nào cũng xuất hiện những HS có ý chí vượt qua nghèo khó học tập đạt kết quả học tập, rèn luyện tốt...

3. Con đường hình thành phẩm chất chủ yếu của HS

Phẩm chất chủ yếu của HS phổ thông được xem là một trong những nhân tố cơ bản trong nhân cách HS phổ thông, được quy định trong **Luật Giáo dục** và *Các văn bản quy phạm pháp luật về mục tiêu giáo dục* cụ thể dành cho HS từng lớp học, cấp học. “Phẩm chất người” luôn gắn bó chặt chẽ với “năng lực người”, tạo thành nhân cách trong cộng đồng, xã hội. Với HS, nhân cách được xem xét đánh giá theo 2 mặt: *Hạnh kiểm* và *Học lực*.

Phẩm chất (hạnh kiểm) và *học lực* (năng lực) của HS được hình thành bằng *con đường học tập* (con đường giáo dục - giáo dục nhà trường, giáo dục gia đình, giáo dục xã hội) và *con đường tự giáo dục*. Sau đây, chúng tôi đề xuất một số giải pháp nhằm hình

thành những phẩm chất chủ yếu cho HS phổ thông từ phía nhà trường, gồm:

3.1. Đổi mới chương trình - Sách giáo khoa (SGK). Trong hệ thống giáo dục quốc dân, bậc phổ thông được tổ chức theo 3 cấp học, phù hợp với quy luật nhận thức theo con đường hàn lâm của văn minh nhân loại. Trong đó, có cấp tiểu học (5 năm học), cấp trung học cơ sở (THCS), đây là hai cấp học phổ cập với mục tiêu giáo dục toàn diện; cấp trung học phổ thông (THPT) là cấp học định hướng nghề nghiệp. Bậc học phổ thông có ý nghĩa đặc biệt nên trong mỗi giai đoạn phát triển của xã hội đã diễn ra các cuộc cải cách giáo dục (CCGD) hoặc đổi mới giáo dục. Kể từ khi thành lập nước CHXHCN Việt Nam (1945) đã có 3 cuộc CCGD và 1 cuộc đổi mới giáo dục; hiện nước ta đang bước vào cuộc đổi mới giáo dục lần thứ hai - đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục. Nhà nước đặc biệt quan tâm đến đổi mới chương trình, SGK giáo dục phổ thông (Quốc hội đã có *Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 về Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông*).

Việc Quốc hội ra Nghị quyết về đổi mới chương trình, SGK giáo dục phổ thông nói lên ý nghĩa và tầm quan trọng của công việc này, nhằm mục tiêu đưa giáo dục phổ thông phát triển đạt trình độ cao hơn giai đoạn trước (nghĩa là khi chuyển sang dạy và học theo chương trình và SGK mới thì HS sẽ đạt được sự phát triển về phẩm chất và năng lực cao hơn trình độ phát triển của HS các giai đoạn trước).

Chương trình, SGK phổ thông do Bộ GD-ĐT chủ trì tổ chức thiết kế, thẩm định, thiết kế biên soạn đến quản lí chỉ đạo triển khai thực hiện. Vì vậy, cần đạt được các tiêu chí: - *Tầm nhìn*: Có chất lượng cao hơn giai đoạn trước, có thể thực hiện trên phạm vi cả nước, có thể hội nhập (ngang tầm khu vực và thế giới); - *Tính khoa học*: Tính lí thuyết (hàn lâm) và hành dụng (thực tiễn) thuộc các khoa học cơ bản và các khoa học giáo dục; - *Tính thực tiễn*: Tính khả thi (đảm bảo thực hiện được trên phạm vi cả nước (phổ cập), có sự phân hóa (phát triển), tính lợi ích (chương trình, SGK mới đảm bảo khi triển khai đạt chất lượng và hiệu quả cao hơn giai đoạn trước).

Ngoài ra, chương trình, SGK phải tuân thủ các nguyên tắc nhất định. Theo chúng tôi nên dựa trên 3 nguyên tắc: - *Nguyên tắc phát triển*: Quy định nội dung chương trình, SGK được thể hiện theo logic phát triển kiến thức của từng môn học. Đồng thời, cách thể hiện phải phù hợp với đặc điểm phát triển tâm sinh lí lứa tuổi HS các lớp học, cấp học; - *Nguyên tắc chuẩn mực*: Chương trình và SGK phải đạt được

các chuẩn mực về khoa học; - *Nguyên tắc tối thiểu*: Nội dung chương trình, SGK đảm bảo sự hợp lí, không quá tải, không thiếu tải. Nói cách khác là đảm bảo tinh giản đủ về chất (chất liệu), không dư thừa về vật liệu (tối thiểu về vật liệu) (đây được coi là nguyên tắc tối ưu).

Chương trình, SGK phải phù hợp với mục tiêu chung, với chuẩn kiến thức, kĩ năng, yêu cầu cơ bản về phẩm chất và năng lực các môn học, các hoạt động giáo dục (đó chính là chuẩn đầu ra của từng lớp học, cấp học, chuẩn này chỉ là tối thiểu, từ đó HS được phân hóa vươn tới trình độ phát triển cao hơn chuẩn). Hơn nữa, còn thể hiện nội dung học tập dành cho HS, nội dung này đã ẩn chứa trong đó phương pháp học tập và phương thức tổ chức học tập.

3.2. Xây dựng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lí giáo dục (QLGD). Thực tiễn ngày nay đòi hỏi giáo viên và cán bộ QLGD phải đạt những chuẩn mực mới về *đạo đức nghề nghiệp và năng lực nghề (tay nghề)*. Phẩm chất (đạo đức) và năng lực nhà giáo, nhà QLGD phải thể hiện có những yếu tố mới với trình độ phát triển cao hơn giai đoạn trước. Đội ngũ giáo viên, cán bộ QLGD phát triển bằng con đường đào tạo mới, đào tạo lại và bồi dưỡng thường xuyên; có sự quản lí của Nhà nước, chủ yếu là về chế độ chính sách, đãi ngộ giáo viên và cán bộ QLGD.

Trong các phương thức phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ QLGD giai đoạn đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục thì phương thức tự học, tự bồi dưỡng theo định hướng và tạo điều kiện của ngành là thường xuyên, cơ bản.

3.3. Tạo cơ sở vật chất - thiết bị cần và đủ. Để thực hiện thành công chương trình, SGK mới, cần tạo được sự đồng bộ về cơ sở vật chất - thiết bị phục vụ hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động học của HS. Hiện nay, các trường phổ thông trên phạm vi cả nước có sự khác biệt nhiều về cơ sở vật chất - thiết bị, nhiều trường đạt chuẩn nhưng cũng còn nhiều trường còn xa mới đạt chuẩn. Vì vậy, Nhà nước nên ưu tiên đầu tư hơn cho các trường gặp nhiều khó khăn này. Trong điều kiện KT-XH hiện nay, việc đầu tư tạo lập cơ sở vật chất - thiết bị dạy học cần có kế hoạch cụ thể của từng trường, từng địa phương và triển khai theo bước đi hợp lí, thực dụng (hiểu theo nghĩa tích cực là thực tế, thực chất, có lợi).

* * *

Phẩm chất và năng lực (hay đức và tài) là nhân tố cơ bản tạo nên nhân cách, 2 nhân tố này gắn bó mật thiết và có sự chuyển hóa lẫn nhau. Có phẩm chất tốt con người sẽ học tập tu dưỡng để ngày càng có năng

lực hơn; người có năng lực sẽ làm nhiều việc tốt có ích cho bản thân, gia đình và xã hội, nghĩa là cũng sẽ có phẩm chất tốt hơn. Cũng trong mối quan hệ này, con người có phẩm chất tốt sẽ là nền tảng, tạo động lực học tập, rèn luyện để có năng lực. 3 phẩm chất lí trí, tình cảm, ý chí của HS phổ thông nói riêng, của con người nói chung có thể hiểu như là triết lí sống, TLGD, là *đạo học* của con người. □

Tài liệu tham khảo

1. Bộ GD-ĐT. *Dự thảo Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*, H. 2015.
2. Hồ Ngọc Đại. **Giải pháp giáo dục**. NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2010.
3. Phạm Minh Hạc. **Tâm lí giáo dục thế giới và Việt Nam**. NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2011.
4. Phạm Xuân Nam (chủ biên). **Triết lí phát triển ở Việt Nam - Mấy vấn đề cốt lõi**. NXB Khoa học xã hội, H. 2015.

Tập luyện cho sinh viên...

(Tiếp theo trang 46)

học định lí Toán học nhằm làm cho tiết học sinh động, phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo, kích thích sự say mê học tập của HS, góp phần khắc phục nâng cao chất lượng dạy học định lí. □

Tài liệu tham khảo

1. Trần Văn Hạo (tổng chủ biên). **Giải tích 12**. NXB Giáo dục, H. 2008.
2. Trịnh Thanh Hải. *Ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học Hình học lớp 7 theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh*. Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, 2006.
3. Nguyễn Bá Kim. **Phương pháp dạy học môn Toán**. NXB Đại học sư phạm, H. 2011.
4. Đào Thái Lai. *Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường phổ thông Việt Nam*. Đề tài trọng điểm cấp Bộ, Mã số B2003-49-42-TĐ, 2006.
5. Bùi Văn Nghị. **Vận dụng lí luận vào thực tiễn dạy học môn Toán ở trường phổ thông**. NXB Đại học Sư phạm, H. 2009.
6. Trần Trung. *Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông hỗ trợ dạy học Hình học theo hướng tích cực hóa hoạt động nhận thức của học sinh dự bị đại học dân tộc*. Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Vinh, 2009.
7. Nguyễn Anh Tuấn (chủ biên) - Nguyễn Danh Nam - Bùi Thị Hạnh Lâm - Phan Thị Phương Thảo. **Giáo trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm môn Toán**. NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2014.